

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
KCN PHỐ NỐI A GIAI PHẠM - YÊN MỸ - HY

Mẫu số B 02a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Quý I năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1,638,155,878,989	811 824 223 578	1 638 155 878 989	811 824 223 578
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	18,243,656,675	10 830 621 130	18 243 656 675	10 830 621 130
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	1,619,912,222,314	800 993 602 448	1 619 912 222 314	800 993 602 448
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1,468,479,160,335	606 813 529 226	1 468 479 160 335	606 813 529 226
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		151,433,061,979	194 180 073 222	151 433 061 979	194 180 073 222
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	340 552 557 279	219 001 010 257	340 552 557 279	219 001 010 257
Trong đó: Công ty con chuyển LN			323 330 979 161		323 330 979 161	
+ LN của năm 2009					323 330 979 161	
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	15 539 935 209	50 315 767 972	15 539 935 209	50 315 767 972
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7 498 412 310	2 605 851 415	7 498 412 310	2 605 851 415
8 Chi phí bán hàng	24		9,865,498,776	4 026 113 738	9 865 498 776	4 026 113 738
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9 227 226 823	5 287 245 803	9 227 226 823	5 287 245 803
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh						
10 {30=20+ (21-22)-(24+25)}	30		457 352 958 450	353 551 955 966	457 352 958 450	353 551 955 966

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
11 Thu nhập khác	31		496 352 995	2 175 199 646	496 352 995	2 175 199 646
12 Chi phí khác	32		93 311 247	72 740 614	93 311 247	72 740 614
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		403 041 748	2 102 459 032	403 041 748	2 102 459 032
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+13)	50		457 756 000 198	355 654 414 998	457 756 000 198	355 654 414 998
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	19 976 018 108	13 112 201 587	19 976 018 108	13 112 201 587
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		437 779 982 090	342 542 213 411	437 779 982 090	342 542 213 411
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Vân

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2010

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Dương